

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TÂY BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ GIÁO DỤC<sup>1</sup>

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN\*

*Từ khóa: phát triển con người, dân tộc thiểu số, Tây Bắc, giáo dục.*

*Ngày nhận bài: 19/6/2019; ngày gửi phản biện: 20/6/2019; ngày duyệt đăng bài: 15/8/2019.*

### Đặt vấn đề

Tây Bắc là vùng cửa ngõ phía Tây của nước ta, gồm các tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên và Lai Châu. Đây là vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống và theo Nghị định 05/2011/NĐ-CP<sup>2</sup> về công tác dân tộc thì Tây Bắc được coi là vùng DTTS bởi phần lớn (trên 80%) dân số là người DTTS. Đây là vùng có vị trí chiến lược về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của đất nước và là vùng có điều kiện thuận lợi cho phát triển nông, lâm nghiệp, thủy điện và du lịch. Tuy nhiên, do đặc điểm địa hình, điều kiện cơ sở hạ tầng nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng luôn ở mức thấp nhất của cả nước và là “vùng trũng” của tình trạng đói nghèo ở nước ta. Tính đến năm 2018, trong khi tỉ lệ hộ nghèo của cả nước chỉ là 5,23% thì vùng Tây Bắc lên đến 24,23% (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2019), trong đó 96,8% là hộ nghèo DTTS. Tình trạng nghèo cao cùng với những khó khăn về cơ sở hạ tầng là hai trong số những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân vùng Tây Bắc, đặc biệt là người DTTS. Trong những năm qua, mặc dù Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách nhằm tạo cơ hội cho người dân là người DTTS nói chung và người DTTS vùng Tây Bắc nói riêng nhưng tại đây vẫn còn những vấn đề đặt ra đối với giáo dục như: tỉ lệ người lớn biết chữ còn thấp, tỉ lệ trẻ đi học đúng tuổi chưa cao và tỉ lệ trẻ bỏ học còn cao, ... những vấn đề này đã và đang đặt ra những thách thức không nhỏ đối với việc nâng cao trình độ giáo dục nói riêng và khả năng phát triển con người vùng Tây Bắc nói chung. Trên cơ sở sử dụng các nguồn số liệu thống kê và các báo cáo, bài viết tập trung phân tích và chỉ ra một số vấn đề đặt ra đối với phát triển con người ở vùng DTTS Tây Bắc từ góc độ giáo dục.

\* TS.; Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

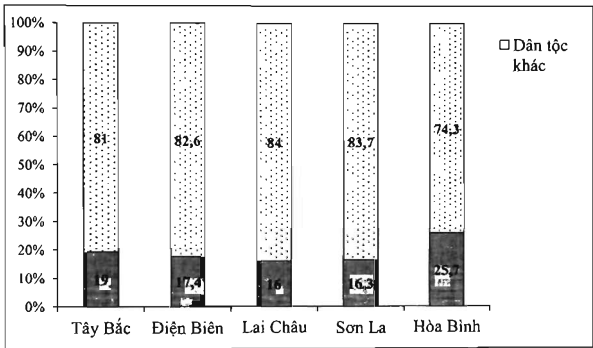
<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của đề tài CTDĐT.44.18/16-20 “Những vấn đề lí luận và thực tiễn về phát triển con người vùng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

<sup>2</sup> Theo Nghị định 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc thì “vùng dân tộc thiểu số là địa bàn có đông các dân tộc thiểu số cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

**1. Về dân số là người dân tộc thiểu số ở vùng Tây Bắc**

Theo số liệu sơ bộ Kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số các tỉnh Tây Bắc là 3.161.598 người, trong đó tỉnh Sơn La là địa phương có dân số nhiều nhất (1.248.415 người), tiếp đến là tỉnh Hòa Bình (854.131 người), tỉnh Điện Biên (598.856 người) và thấp nhất là tỉnh Lai Châu (460.196 người). Mặc dù là địa phương có số dân thấp nhất vùng Tây Bắc nhưng Lai Châu lại là địa phương có tỉ lệ dân số là người DTTS chiếm tỉ lệ cao nhất - 84,0% (386.963/460.196 người), tiếp đó là tỉnh Sơn La 83,7% (1.045.407/1.248.415 người), tỉnh Điện Biên 82,6% (494.795/598.856 người) và tỉnh Hòa Bình là địa phương có tỉ lệ người DTTS thấp nhất vùng Tây Bắc - 74,3% (634.728/854.131 người).

**Biểu đồ 1: Tỉ lệ dân số phân theo dân tộc**



*Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu từ Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương, 2019. Tổ chức thực hiện và kết quả sơ bộ. Nxb. Thống kê.*

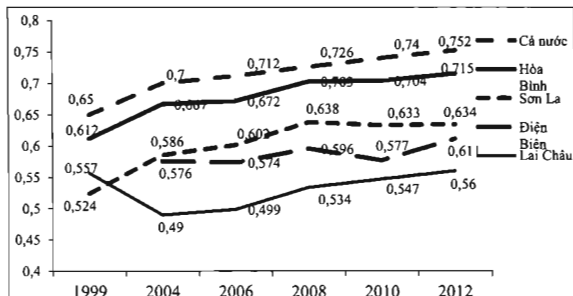
Các dân tộc sống ở vùng Tây Bắc chủ yếu thuộc 3 ngữ hệ lớn ở Đông Nam Á. Việt Nam có nhóm Thái - Ka đai gồm các dân tộc: Thái, Tày, Nùng, Giáy, Lào, Lự, La Ha,...; các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á gồm các dân tộc: Khơ mú, Xinh Mun, Kháng, Mảng, Mường, Kinh, Thổ, Mông, Dao và Hán Tạng gồm các dân tộc: Hoa, Hà Nhì, Lô Lô, Phù Lá, La Hù, Cống, Si La (Phạm Thành Nghị, 2008).

**2. Về phát triển con người vùng dân tộc thiểu số Tây Bắc**

Kể từ khi Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) công bố Báo cáo phát triển con người toàn cầu (năm 1990) đến nay, chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta luôn có sự cải thiện, từ nhóm có chỉ số HDI thấp của thế giới sang nhóm có chỉ số HDI trung bình. Năm 1990, chỉ số HDI của Việt Nam là 0,475 điểm, đến năm 2000

tăng lên thành 0,579 điểm và đến năm 2017 là 0,694 điểm<sup>3</sup>. Như vậy, sau gần 30 năm, chỉ số HDI của Việt Nam đã tăng thêm 0,219 điểm. Còn theo tính toán của Việt Nam, trong giai đoạn từ năm 1999 - 2012, chỉ số HDI của Việt Nam tăng thêm 0,102 điểm, từ 0,650 điểm lên 0,752 điểm (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và UNDP, 2015).

**Biểu đồ 2: Chỉ số HDI của các địa phương thuộc Tây Bắc giai đoạn 1999 - 2012**



Nguồn: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và UNDP, 2015.

Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2015 về tăng trưởng bao trùm. Nxb. Khoa học xã hội, tr.184.

So sánh chỉ số HDI giữa các địa phương vùng DTTS Tây Bắc với mức trung bình của cả nước cho thấy còn có sự chênh lệch khá lớn. Sự chênh lệch lớn về chỉ số HDI cũng thấy ở chính các địa phương trong vùng DTTS Tây Bắc. Trong 4 địa phương thuộc vùng DTTS số Tây Bắc thì Hòa Bình là địa phương có chỉ số HDI tốt nhất, tiếp đến là tỉnh Sơn La, Điện Biên, còn Lai Châu là địa phương có chỉ số HDI thấp nhất vùng và cũng là địa phương thấp nhất cả nước. Sự chênh lệch giữa tỉnh Hòa Bình (tỉnh có chỉ số HDI cao nhất vùng Tây Bắc) và tỉnh Lai Châu (tỉnh có chỉ số HDI thấp nhất vùng Tây Bắc) có xu hướng tăng lên trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2012. Nếu như năm 1999 chỉ số HDI của tỉnh Lai Châu chỉ thấp hơn 0,055 điểm so với tỉnh Hòa Bình thì đến năm 2012, khoảng cách này đã là 0,155 điểm. Qua xem xét tỉ lệ người DTTS sinh sống tại các địa phương cho thấy, địa phương nào có tỉ lệ người DTTS sinh sống ít hơn thì có chỉ số HDI cao hơn và ngược lại. Trong các tỉnh thuộc vùng Tây Bắc, Hòa Bình là địa phương có tỉ lệ người DTTS thấp nhất và là tỉnh có chỉ số HDI cao nhất, ngược lại Điện Biên và Lai Châu là hai địa phương có tỉ lệ người DTTS cao cũng là hai địa phương có chỉ số HDI thấp.

<sup>3</sup> (<http://hdr.undp.org/en/data>), truy cập tháng 6/2019.

Xem xét tốc độ tăng trưởng HDI của các địa phương vùng DTTS Tây Bắc trong giai đoạn từ năm 2004 - 2012 cho thấy, Lai Châu - địa phương có chỉ số HDI thấp nhất đã có tốc độ tăng trưởng tốt nhất trong giai đoạn này. Trong giai đoạn từ năm 2004 - 2012, tốc độ tăng trưởng HDI bình quân năm của tỉnh Lai Châu là 1,68%, cao hơn so với mức trung bình của cả nước (mức trung bình của cả nước là 0,91%). Các tỉnh còn lại có tốc độ tăng trưởng thấp hơn là tỉnh Sơn La, Hòa Bình và tỉnh Điện Biên với tốc độ tăng trưởng bình quân năm lần lượt là 0,99%, 0,88% và 0,75% (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và UNDP, 2015). Mặc dù bốn địa phương đều có xu hướng tăng trưởng HDI trong giai đoạn từ năm 2004 - 2012 nhưng lại không có được sự cải thiện về mặt thứ bậc trong bảng xếp hạng các tỉnh thành trong cả nước, thậm chí có xu hướng giảm xuống. Trong giai đoạn từ năm 2004 - 2012, tỉnh Hòa Bình giảm 8 bậc, tỉnh Sơn La giảm 2 bậc, tỉnh Điện Biên giảm 1 bậc, còn tỉnh Lai Châu vẫn là địa phương xếp cuối cùng trong bảng xếp hạng chỉ số HDI của Việt Nam.

**3. Một số vấn đề đặt ra đối với phát triển con người từ góc độ giáo dục**

**3.1. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học cao**

So với mức trung bình của cả nước và so với các vùng, Tây Bắc là vùng có tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học khá cao. Nếu như tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học mức trung bình của cả nước chỉ là 3,0% thì Tây Bắc là 19,6% (cao gấp hơn 6 lần) và cao hơn vùng có tỉ lệ dân số chưa bao giờ đi học thấp nhất là đồng bằng sông Hồng 28 lần (19,6% so với 0,7%).

Có sự chênh lệch đáng kể giữa các địa phương trong vùng DTTS Tây Bắc về tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học. Hòa Bình là địa phương có tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học thấp nhất (1,9%), thấp hơn 10 lần so với mức trung bình của vùng (1,9% so với 19,6%) và thấp hơn 17 lần so với Lai Châu - địa phương có tỉ lệ cao nhất (1,9% so với 33,5%).

Qua số liệu về tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học của các địa phương cũng như của vùng DTTS Tây Bắc cho thấy có sự bất bình đẳng đáng kể trong cơ hội đến trường giữa nam và nữ, giữa những người sống ở thành thị và những người sống nông thôn. Trong vùng DTTS Tây Bắc, tỉ lệ nữ giới từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học cao hơn gấp hơn 2 lần so với nam giới (27,2% so với 12,0%), tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên ở nông thôn chưa bao giờ đi học cao hơn gấp hơn 7 lần so với thành thị (22,9% so với 3,1%).

**Bảng 1: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học tính đến tháng 4/2019 (%)**

Tỉnh/Địa phương	Tổng	Phân theo giới tính		Phân theo thành thị, nông thôn	
		Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
Điện Biên	24,7	14,4	35,0	2,8	28,9
Lai Châu	33,5	22,6	44,6	7,1	39,7

Sơn La	18,2	9,7	26,7	2,0	21,0
Hòa Bình	1,9	1,3	2,5	0,4	2,1
<b>Trung bình vùng</b>	<b>19,6</b>	<b>12,0</b>	<b>27,2</b>	<b>3,1</b>	<b>22,9</b>
<b>Toàn quốc</b>	<b>3,0</b>	<b>2,1</b>	<b>3,8</b>	<b>1,0</b>	<b>4,1</b>

*Nguồn: Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương. 2019.*

*Tổ chức thực hiện và kết quả sơ bộ. Nxb. Thống kê, tr. 102.*

Trong số các địa phương vùng DTTS Tây Bắc, Sơn La là địa phương có sự chênh lệch lớn nhất về tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học khi xem xét về giới tính và nơi sống, còn Hòa Bình là địa phương có mức chênh lệch thấp nhất. Không chỉ có sự chênh lệch đáng quan ngại về tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học ở các địa phương thuộc vùng đồng bào DTTS Tây Bắc mà còn cả vấn đề bất bình đẳng trong cơ hội tiếp cận với giáo dục của nữ giới và người dân sống ở nông thôn tại những vùng này khi mà họ vẫn bị hạn chế trong cơ hội đến trường. Tỉnh Lai Châu là địa phương điển hình khi có đến 44,6% nữ giới và 39,7% dân số ở nông thôn từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học. Đây là thách thức không nhỏ đối với phát triển con người của tỉnh Lai Châu nói riêng và của vùng DTTS ở Tây Bắc nói chung.

### **3.2. Tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ thấp**

Mặc dù đã có nhiều tiến bộ về tỉ lệ người lớn biết chữ trong những năm qua, nhưng so với mức trung bình của toàn quốc thì tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ ở vùng DTTS Tây Bắc vẫn còn khá thấp (78,2% so với 95,8%). Tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học ở vùng DTTS Tây Bắc cao cũng chính là một trong những nguyên nhân lí giải cho tình trạng dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ ở vùng này thấp.

Xem xét nội vùng giữa các địa phương, giữa thành thị và nông thôn, giữa nam và nữ cũng cho thấy sự chênh lệch khá lớn về tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ.

**Bảng 2: Tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ (%)**

Tỉnh/Địa phương	Tổng	Phân theo giới tính		Phân theo thành thị, nông thôn	
		Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
Điện Biên	73,1	84,6	61,6	96,2	68,7
Lai Châu	64,4	76,0	52,7	91,6	58,1
Sơn La	78,9	88,8	69,1	97,2	75,8
Hòa Bình	96,3	97,4	95,3	99,3	95,8
<b>Trung bình vùng</b>	<b>78,2</b>	<b>86,7</b>	<b>69,7</b>	<b>90,1</b>	<b>74,6</b>
<b>Toàn quốc</b>	<b>95,8</b>	<b>97,0</b>	<b>94,6</b>	<b>98,3</b>	<b>94,3</b>

*Nguồn: Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương. 2019.*

*Tổ chức thực hiện và kết quả sơ bộ. Nxb. Thống kê, tr. 99.*

Hòa Bình là địa phương có tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ cao nhất (96,3%) so với các địa phương trong vùng và cao hơn cả mức trung bình của toàn quốc, còn Lai

*Nguyễn Đình Tuấn*

Châu là địa phương có tỉ lệ thấp nhất (64,4%). Tình trạng người lớn biết chữ thấp của tỉnh Lai Châu sẽ tiếp tục là thách thức đối với việc cải thiện chỉ số giáo dục nói riêng và chỉ số HDI nói chung của địa phương này không chỉ ở thời điểm hiện tại mà cả trong một khoảng thời gian dài nữa. Không biết chữ sẽ tiếp tục khiến cho nhiều người dân thuộc DTTS bị hạn chế trong việc nâng cao năng lực, cải thiện sức khỏe, các cơ hội tìm kiếm việc làm có sự ổn định và có thu nhập cao.

Có sự chênh lệch đáng kể về tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ giữa người dân sống ở thành thị và nông thôn, giữa nam giới và nữ giới ở vùng DTTS Tây Bắc. Người dân sống ở thành thị và nam giới biết chữ cao hơn nhiều so với người dân sống ở nông thôn và nữ giới (90,1% so với 74,6% và 86,7% so với 69,7%). Trong các địa phương vùng Tây Bắc, ngoại trừ tỉnh Hòa Bình không có sự chênh lệch nhiều về tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ giữa thành thị và nông thôn, cũng như giữa nam giới và nữ giới, còn lại các địa phương khác đều có sự chênh lệch khá lớn. Điều này một lần nữa cho thấy vẫn còn sự bất bình đẳng giới và nơi sống ở các địa phương vùng DTTS Tây Bắc liên quan đến tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ.

### **3.3. Tỉ lệ nhập học và đi học đúng tuổi thấp**

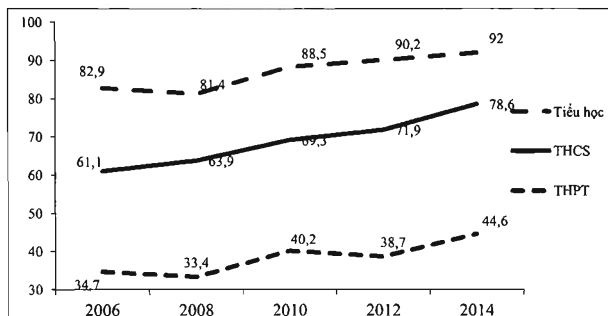
Trong những năm qua, dù nước ta đã có nhiều chính sách dành cho giáo dục ở các vùng DTTS, từ chính sách xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đội ngũ giáo viên đến chính sách miễn giảm học phí nhằm tạo cơ hội cho trẻ em là người DTTS có cơ hội được đến trường, tuy nhiên tỉ lệ đến trường của học sinh ở vùng DTTS vẫn còn thấp. Theo *Báo cáo phát triển con người Việt Nam* năm 2015, tỉ lệ nhập học các cấp của vùng Tây Bắc chỉ là 56,53%, thấp hơn so với mức trung bình của cả nước (tỉ lệ trung bình của cả nước là 63,43%). Trong đó, Điện Biên là địa phương có tỉ lệ nhập học các cấp cao nhất (60,79%), tiếp đến là tỉnh Hòa Bình (57,87%), tỉnh Lai Châu (55,26%) và thấp nhất là tỉnh Sơn La (52,20%) (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, UNDP, 2015. tr. 182).

Khả năng đi học của trẻ em là người DTTS luôn thấp hơn rất nhiều so với trẻ em là người Kinh và người Hoa, càng ở bậc học cao hơn thì khả năng đi học của trẻ em là người DTTS càng thấp hơn. Điều này đã được chỉ ra trong báo cáo *Việt Nam nâng cao chất lượng giáo dục cho mọi người đến năm 2020* do Ngân hàng Thế giới, DFID và Bỉ thực hiện năm 2011. Theo đó, vào thời điểm năm 2008, một trẻ em người Kinh hoặc người Hoa ở khu vực thành thị có khả năng đi học trung học phổ thông cao gấp 1,6 lần so với một trẻ em người DTTS ở khu vực nông thôn; và một trẻ em người Kinh hoặc người Hoa ở khu vực thành thị trong độ tuổi học trung học phổ thông có khả năng đi học trung học phổ thông cao gấp 2,2 lần so với một trẻ em người DTTS ở khu vực nông thôn cũng trong độ tuổi đó (Ngân hàng Thế giới, DFID và Bỉ, 2011. tr.38).

Tỉ lệ đi học đúng tuổi ở vùng DTTS Tây Bắc cũng là vấn đề đặt ra. Mặc dù trong giai đoạn vừa qua (2006 - 2014), tỉ lệ đi học đúng tuổi của trẻ em vùng DTTS Tây Bắc đã được cải thiện, song so với mức trung bình của cả nước vẫn còn sự chênh lệch và cấp học càng cao thì mức độ chênh lệch càng lớn. Chẳng hạn, năm 2014, mức chênh lệch về

ti lệ đi học đúng tuổi ở bậc trung học cơ sở (THCS) của Tây Bắc thấp hơn mức trung bình cả nước 5.8 điểm phần trăm (78,6% so với 84,4%) và ở bậc trung học phổ thông (THPT) thấp hơn 18.5% (44,6% so với 63,1%).

**Biểu đồ 3: Tỷ lệ đi học đúng tuổi vùng Tây Bắc chia theo cấp học giai đoạn từ năm 2006 - 2014 (%)**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê. 2016.*

*Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2014. Nxb. Thống kê, tr. 115.*

Kết quả nghiên cứu “Giáo dục Việt Nam: phân tích các chỉ số chủ yếu” đã chỉ ra cho thấy, phần lớn các địa phương vùng Tây Bắc có tỉ lệ nhập học đúng tuổi ở các bậc học đều nằm ở nhóm 5 địa phương thấp nhất. Ở cấp tiểu học có tỉnh Lai Châu (81,2%), tỉnh Điện Biên (82,8%) và tỉnh Sơn La (86%); ở cấp THCS có tỉnh Lai Châu (50,9%) và tỉnh Điện Biên (60%); ở cấp THPT có tỉnh Lai Châu (20%) (Bộ Kế hoạch và đầu tư, 2011). Kết quả này cho thấy tỉnh Lai Châu là địa phương có tỉ lệ dân số người DTTS cao nhất vùng và cũng là địa phương có tỉ lệ trẻ em đi học đúng tuổi ở cả ba bậc học thấp nhất.

Qua nghiên cứu khảo sát trong khuôn khổ thực hiện đề tài CTDT.44.18/16-20 tại một số xã ở đồng người DTTS sinh sống thuộc tỉnh Lai Châu, Điện Biên, chúng tôi cũng được người dân chia sẻ những khó khăn về tình trạng cho trẻ em đi học không đúng tuổi. Ngoài nguyên nhân khó khăn về cơ sở hạ tầng (giao thông, trường lớp) thì những khó khăn từ chính các gia đình và bản thân trẻ em cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến việc đi học đúng tuổi của trẻ em. Trong đó, có những nguyên nhân thuộc về thể lực, ngôn ngữ và khả năng tiếp thu bài học,... đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc quyết định cho con đi học đúng tuổi của nhiều gia đình, cũng như việc trẻ có đi học được đúng tuổi hay không.

**3.4. Tỷ lệ bỏ học cao**

Tình trạng bỏ học cao là một thách thức không nhỏ đối với phát triển con người vùng DTTS Tây Bắc. Cấp học càng cao thì tỉ lệ học sinh vùng DTTS Tây Bắc bỏ học càng lớn. Theo số liệu điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cho thấy, tỉ lệ dân số từ 5 - 18 tuổi bỏ học của tỉnh Hòa Bình là 17,3%, tỉnh Lai Châu là 16,5%, tỉnh Sơn La là 16,3% và tỉnh Điện Biên là 14,1% (Bộ Kế hoạch và đầu tư, Tổng cục Thống kê, 2011, tr. 116).

Có 11,3% dân số ở vùng DTTS Tây Bắc trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng không đi học. Trong đó, tỉnh Lai Châu là địa phương có tỉ lệ dân số trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng hiện không đi học cao nhất (15,8%), tiếp đến là tỉnh Điện Biên (12,8%), tỉnh Sơn La (11,0%) và thấp nhất là tỉnh Hòa Bình (5,5%). Không có nhiều khác biệt về giới trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng hiện không đi học ở các địa phương. Tuy nhiên lại có sự chênh lệch đáng kể giữa thành thị và nông thôn về tỉ lệ dân số trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng hiện không đi học. Nông thôn là nơi có tỉ lệ dân số trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng hiện không đi học cao hơn so với thành thị. Mức chênh lệch này ở tỉnh Điện Biên là khá cao (hơn 7 lần), tiếp đến là tỉnh Sơn La chênh lệch gần 5 lần, tỉnh Hòa Bình 4 lần và tỉnh Lai Châu cũng gần 4 lần.

**Bảng 3: Tỷ lệ dân số trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng hiện không đi học (%)**

Tỉnh/ Địa phương	Tổng	Phân theo giới tính		Phân theo thành thị, nông thôn	
		Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
Điện Biên	12,8	16,9	14,8	2,3	16,5
Lai Châu	15,8	18,3	17,0	5,1	19,2
Sơn La	11,0	13,4	12,2	2,9	13,4
Hòa Bình	5,5	4,2	4,9	1,4	5,6
<i>Vùng</i>	<i>11,3</i>	<i>13,2</i>	<i>12,2</i>	<i>2,9</i>	<i>13,7</i>
<b>Toàn quốc</b>	<b>8,3</b>	<b>9,2</b>	<b>7,5</b>	<b>5,7</b>	<b>9,5</b>

*Nguồn: Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương. 2019.*

*Tổ chức thực hiện và kết quả sơ bộ. Nxb. Thống kê, tr. 108.*

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng bỏ học hoặc không đi học của học sinh vùng DTTS Tây Bắc. Đối với bậc tiểu học, nguyên nhân học sinh bỏ học hoặc không đi học chủ yếu là do bố/mẹ không quan tâm, trẻ em không có khả năng học/không thích đi học, kinh phí khó khăn/chí phí quá đắt. Nguyên nhân bỏ học ở bậc THCS chủ yếu là do bố/mẹ không quan tâm, trẻ em không có khả năng học/không thích đi học, kinh phí khó khăn/chí phí quá đắt, trẻ em phải đi làm. Còn đối với bậc THPT, ngoài những nguyên nhân tương tự như bậc THCS thì trường học quá xa cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều học sinh phải bỏ học. Thực tiễn cho thấy, ở vùng DTTS Tây Bắc hiện nay chỉ có bậc học tiểu học và THCS có hệ thống trường hoặc điểm trường được xây dựng gần với nơi ở của người dân còn hệ thống trường THPT vẫn còn cách nơi ở khá xa. Chẳng hạn theo



số liệu thống kê năm 2016, tại những vùng núi cao thuộc vùng khó khăn ở nước ta, khoảng cách trung bình từ nơi ở đến điểm trường THPT gần nhất là 11,7 km, đến điểm trường THCS và THPT là 12.5 km (Tổng cục Thống kê. 2017. .. 737). Khoảng cách xa và đi lại khó khăn có tác động không nhỏ đến cơ hội đến trường của học sinh ở những vùng này.

**Bảng 4: Tỷ lệ xã vùng dân tộc thiểu số Tây Bắc có học sinh bỏ học hoặc không đi học chia theo nguyên nhân năm 2013 (%)**

	Tiểu học	THCS	THPT
Trường học quá xa	20,9	29,2	51,8
Kinh phí khó khăn/chí phí quá đắt	39,5	43,1	51,8
Trẻ em bệnh tật/ốm đau	25,6	9,7	8,9
Trẻ em không có khả năng học/không thích đi học	60,5	54,2	60,7
Trẻ em phải đi làm	11,6	31,9	28,6
Bố/mẹ không quan tâm	62,8	62,5	39,3
Ngôn ngữ cản trở	18,6	4,2	3,6
Lí do khác	2,3	5,6	7,1

*Nguồn: Tổng cục Thống kê 2016.*

*Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2014. Nxb Thống kê, tr. 881 - 889*

Những nguyên nhân bỏ học của học sinh vùng DTTS ở Tây Bắc được nêu trên cũng chỉ ra những thách thức trong cơ hội tiếp cận giáo dục đối với trẻ em nơi đây, đặc biệt là đối với trẻ em là người DTTS sống ở nông thôn, những vùng khó khăn về địa lý và kinh tế. Ngoài những nguyên nhân dẫn đến tình trạng bỏ học ở các bậc học của học sinh vùng DTTS Tây Bắc được nêu trên thì việc khó tìm được việc làm sau khi học xong cũng là một nguyên nhân khiến cho nhiều gia đình cũng như trẻ em không muốn đi học ở bậc học cao hơn. Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây có nhiều học sinh, sinh viên là người DTTS sau khi tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học trở về địa phương nhưng không thể tìm được việc làm. Điều này đã khiến cho không ít gia đình người DTTS dù có mong muốn cho con học cao nhưng đã không cho con đi học tiếp vì họ cho rằng sau khi học xong con em họ rất khó có thể tìm được việc làm. Đây có lẽ là một vấn đề cần phải được quan tâm trong chiến lược giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS ở nước ta hiện nay.

### **Kết luận**

Trong những năm qua, mặc dù giáo dục vùng DTTS Tây Bắc đã có nhiều tiến bộ, tuy nhiên qua phân tích một vài số liệu về tình trạng giáo dục ở vùng này cho thấy vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra, đó là: trình độ học vấn còn khá thấp, tỉ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đến trường còn cao; tỉ lệ nhập học các cấp còn thấp; vẫn còn nhiều trẻ em đi học không đúng tuổi; tình trạng bỏ học, đặc biệt là ở các bậc học cao hơn còn cao... Những vấn đề này đã, đang và sẽ tiếp tục đặt ra những thách thức không nhỏ trong việc nâng cao trình độ học vấn và phát triển nguồn nhân lực ở vùng DTTS Tây

Bắc nói riêng, cũng như đối với phát triển con người ở khu vực này nói chung. Trình độ học vấn thấp sẽ khiến cho người dân vùng DTTS Tây Bắc bị hạn chế trong cơ hội tìm kiếm việc làm có thu nhập cao, ổn định và thoát nghèo. Bên cạnh đó, sự khác biệt tương đối lớn giữa nam và nữ, giữa những người sống ở thành thị và nông thôn về trình độ học vấn, tỉ lệ nhập học và bỏ học,... cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với phát triển bền vững con người ở vùng DTTS Tây Bắc trong thời gian tới.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương. 2019. *Tổ chức thực hiện và kết quả sơ bộ*. Nxb. Thống kê
2. Bộ Kế hoạch và đầu tư. Tổng cục Thống kê. 2011. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 2009*. “Giáo dục ở Việt Nam: Phân tích các chỉ số chủ yếu”.
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2019. Quyết định 1052/QĐ-TBLĐXH ngày 29/7/2019. “Quyết định công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018”.
4. Ngân hàng Thế giới, DFID và Bỉ. 2011. *Việt Nam nâng cao chất lượng giáo dục cho mọi người đến năm 2020*.
5. Phạm Thành Nghị. 2008. *Một số vấn đề về phát triển con người Tây Bắc qua số liệu thống kê*. Nxb. Chính trị quốc gia.
6. Tổng cục Thống kê. 2016. *Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2014*. Nxb. Thống kê.
7. Tổng cục Thống kê. 2018. *Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2016*. Nxb. Thống kê.
8. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và UNDP. 2015. *Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2015 về tăng trưởng bao trùm*. Nxb. Khoa học xã hội.